

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830503] - Lắp đặt và bảo trì máy lạnh (CCQ2105A,B)

CBGD: Vũ Đình Nhường (280019)

Số SV có mặt: 24.

Số bài thi:24...

Số tờ giấy thi: 24.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B	An			7.8
2	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D	Đức			7.3
3	2120050044	Nguyễn Mạnh	Hùng	10/02/2002	CCQ2005B	Hùng			6.5
4	2121050043	Châu Quốc	Khánh	02/09/2003	CCQ2105B	Khánh			6.8
5	2121050061	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khánh	05/12/2003	CCQ2105B	Khánh			7.3
6	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	Khoa			6.5
7	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D	Lâm			8.0
8	2121050062	Nguyễn Tự	Lập	10/08/2003	CCQ2105B	Lập			7.3
9	2121050056	Nguyễn Hoài	Linh	09/07/2003	CCQ2105B	Linh			6.7
10	2121050047	Trương Thành	Linh	27/05/2000	CCQ2105B	Linh			7.0
11	2121050065	Trịnh Văn	Minh	17/10/2003	CCQ2105B	Minh			7.3
12	2121050036	Lê Thanh	Nam	19/05/2003	CCQ2105B				0
13	2121050076	Nguyễn Hoài	Nam	10/07/2003	CCQ2105B	Nam			6.8
14	2121050063	Đỗ Duy	Ngọc	14/11/2003	CCQ2105B	Ngọc			6.2
15	2121050039	Đặng Đức	Phú	07/07/2003	CCQ2105B	Đức			7.3
16	2121050064	Nguyễn Thanh	Phương	23/04/2003	CCQ2105B	Phu			6.2
17	2121050066	Đoàn Ngọc	Quế	29/09/2003	CCQ2105B	Quế			6.7
18	2121050060	Lê Văn	Quyết	02/01/2003	CCQ2105B	Quyết			6.8
19	2121050044	Từ Tịnh	Tâm	31/05/2003	CCQ2105B	Tu			7.2
20	2121050054	Đàng Đức	Tân	17/06/2003	CCQ2105B	Tân			7.3
21	2121050059	Phạm Quang	Thắng	15/04/2002	CCQ2105B	thang			7.3
22	2121050052	Lê Minh	Thuận	13/02/2003	CCQ2105B	thuan			7.5
23	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A	Minh			6.7
24	2121050048	Trần Trung	Trực	01/10/2002	CCQ2105B	Trung			3
25	2121050053	Huỳnh Nguyễn Tấn	Trung	30/01/2002	CCQ2105B	Trung			6.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830501] - Lắp đặt và bảo trì máy lạnh (CCQ2105A,B)

CBGD: Vũ Đình Nhường (280019)

Số SV có mặt: 22...

Số bài thi: 22.....

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050001	Phạm Quốc Anh	03/02/2003	CCQ2105A		Anh			7.3
2	2121050077	Bùi Xuân Chiến	25/09/2003	CCQ2105A		Chiến			7.3
3	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu Chương	29/03/2003	CCQ2105A		Chương			7.8
4	2121050002	Nguyễn Thành Đạt	25/06/2003	CCQ2105A		Dat			7.3
5	2121050031	Nguyễn Văn Thành Đạt	17/07/2003	CCQ2105A		Dat			7.7
6	2122050042	Trần Lê Nhật Duy	06/11/2004	CCQ2205B		Duy			7.0
7	2121050004	Lâm Thanh Hiền	21/09/2003	CCQ2105A		Hiền			7.7
8	2121050019	Võ Ngọc Huy	06/02/2003	CCQ2105A		Huy			7.0
9	2121050013	Nguyễn Ngọc Kha	21/11/2003	CCQ2105A		Kha			7.5
10	2121050034	Nguyễn Việt Khang	23/09/2003	CCQ2105A		Khang			6.8
11	2121050022	Lâm Tuấn Kiệt	14/08/2002	CCQ2105A		Kiet			7.7
12	2121050005	Phan Phi Long	29/10/2000	CCQ2105A		Long			8.0
13	2121050007	Trần Phương Nhật	07/07/2003	CCQ2105A		Nhat			8.7
14	2121050008	Nguyễn Tấn Phát	19/09/2003	CCQ2105A		Phat			8.0
15	2121050009	Nguyễn Trung Phi	18/03/2003	CCQ2105A		Phi			7.3
16	2121060026	Nguyễn Xuân Phú	10/08/2003	CCQ2105A		Phu			7.7
17	2121050010	Đỗ Hoàng Phước	16/01/2003	CCQ2105A		Phuoc			7.5
18	2122050057	Lê Quang Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phuong			7.3
19	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		Quyên			7.2
20	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		Son			0
21	2121050011	Phan Trần Trung Tâm	15/12/2003	CCQ2105A		Tam			0
22	2121050012	Nguyễn Công Thành	25/08/2003	CCQ2105A		Thanh			7.3
23	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		Tien			8.0
24	2122050035	Đào Phú Minh	11/04/2004	CCQ2205A		Trinh			6.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830502] - Lắp đặt và bảo trì máy lạnh (CCQ2105A,B)

CBGD: Vũ Đình Nhường (280019)

Số SV có mặt: 18...
Số bài thi: 18...
Số tờ giấy thi: 18...

Thầy Nguyễn Văn Cường
Thầy Nguyễn Văn Cường
Thầy Nguyễn Văn Cường
Thầy Nguyễn Văn Cường

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050058	Phạm Tiến Cường	21/01/2003	CCQ2105B		Phạm Tiến Cường			8.5
2	2121050041	Nguyễn Đức	20/04/2003	CCQ2105B		Nguyễn Đức			7.5
3	2121050071	Phan Minh Đức	27/05/2003	CCQ2105B		Phan Minh Đức			8.0
4	2121050057	Hòa Ngọc Hải	22/02/2002	CCQ2105B		Hòa Ngọc Hải			6
5	2121050049	Đào Tấn Hiền	27/09/2003	CCQ2105B		Đào Tấn Hiền			8.5
6	2121050078	Nguyễn Trung Hiếu	17/11/2002	CCQ2105B		Nguyễn Trung Hiếu			7.5
7	2121050038	Nguyễn Hoàng Hy	13/07/2003	CCQ2105B		Nguyễn Hoàng Hy			7.5
8	2121050042	Hứa Hoàng Khang	16/12/2003	CCQ2105B		Hứa Hoàng Khang			8.0
9	2120050115	Trương Duy Khánh	13/06/2002	CCQ2005D					0
10	2121050021	Trần Quang Phú	02/03/2002	CCQ2105A					0
11	2121050028	Nguyễn Sỹ Thiện	13/02/2002	CCQ2105A		Nguyễn Sỹ Thiện			8.0
12	2121050026	Phạm Minh Thông	03/10/2003	CCQ2105A		Phạm Minh Thông			7.5
13	2121050014	Lê Minh Thuận	13/09/2003	CCQ2105A		Lê Minh Thuận			7.3
14	2121050015	Nguyễn Minh Tiến	18/06/2003	CCQ2105A		Nguyễn Minh Tiến			7.0
15	2121050075	Lê Đông Triều	27/12/2003	CCQ2105A		Lê Đông Triều			7.5
16	2121050016	Trương Thanh Triều	06/10/2001	CCQ2105A		Trương Thanh Triều			7.3
17	2121050029	Võ Thành Tuấn	17/11/2003	CCQ2105A		Võ Thành Tuấn			7.5
18	2121050020	Phạm Minh Tuấn	16/10/2001	CCQ2105A		Phạm Minh Tuấn			7.5
19	2121050017	Lê Hồng Việt	27/09/2003	CCQ2105A		Lê Hồng Việt			7.8
20	2121050024	Hồ Thanh Xuân	25/01/2003	CCQ2105A		Hồ Thanh Xuân			7.8